

# SO SÁNH HIỆU QUẢ CỦA VIỆC DẠY HỌC TRUYỀN THỐNG VÀ DẠY HỌC TRỰC TUYẾN CỦA TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ PHÚ ĐÔ, HÀ NỘI

COMPARISON OF THE EFFECTIVENESS OF TRADITIONAL TEACHING AND ONLINE TEACHING  
AT PHU DO SECONDARY SCHOOL, HANOI

*Lưu Đức Anh*

*Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội*

*Received: 16/10/2025; Accepted: 27/10/2025; Published: 06/11/2025*

**Tóm tắt:** Nghiên cứu so sánh hiệu quả giảng dạy truyền thống và trực tuyến tại Trường THCS Phú Đô (Hà Nội) dựa trên khảo sát định lượng và định tính với 10 giáo viên. Nghiên cứu áp dụng Lý thuyết Học tập Xã hội (Bandura, 1977) và Mô hình Chấp nhận Công nghệ (TAM, Davis, 1989). Kết quả cho thấy giảng dạy truyền thống hiệu quả hơn nhờ tương tác trực tiếp, phản hồi tức thời và quan sát hành vi so với giảng dạy trực tuyến; giảng dạy truyền thống vẫn hiệu quả về bản chất nhưng kết hợp với trực tuyến sẽ tối ưu hóa trong thời đại số.

**Từ khóa:** giảng dạy trực tuyến, giảng dạy truyền thống, Trường THCS Phú Đô, chuyển đổi số.

**Abstract:** A study comparing the effectiveness of traditional and online teaching at Phu Do Secondary School (Hanoi) based on quantitative and qualitative surveys with 10 teachers. The study applying Social Learning Theory (Bandura, 1977) and Technology Acceptance Model (TAM, Davis, 1989). The results show that traditional teaching is more effective thanks to direct interaction, immediate feedback and behavioral observation compared to online teaching; traditional teaching is still effective at its core but combined with online will optimize in the digital age.

**Keywords:** online teaching, traditional teaching, Phu Do Secondary School, digital transformation.

## 1. Mở đầu

Giáo dục Việt Nam đang trải qua giai đoạn chuyển đổi số mạnh mẽ. Đặc biệt, do ảnh hưởng đại dịch COVID-19 và lũ lụt nghiêm trọng tại miền Bắc và Bắc Trung Bộ trong năm 2025, rất nhiều trường học đã triển khai kế hoạch dạy online cho học sinh. Như vậy, sự linh hoạt trong việc dạy học từ trực tiếp sang trực tuyến đã trở thành một phương thức hữu ích cho giáo dục thích ứng với mọi sự biến đổi ngoại cảnh. Theo Bộ Giáo dục và Đào tạo, từ năm học 2020–2021, hơn 20 triệu học sinh trên cả nước đã chuyển sang học trực tuyến ít nhất một phần thời gian [1]. Tại Hà Nội, các trường THCS đã triển khai rộng rãi các nền tảng như Zoom, Google Classroom, Microsoft Teams để duy trì việc học. Tuy nhiên, sự chuyển đổi này không đồng đều và đặt ra một loạt câu hỏi lớn về hiệu quả, chất lượng và sự chấp nhận của các bên liên quan – đặc biệt là học sinh, nhóm đối tượng chịu ảnh hưởng trực tiếp nhất. Bài báo phân tích so sánh tính hiệu quả của hai hình thức dạy học trực tuyến và truyền thống dựa trên thực tế áp dụng tại trường trung học cơ sở Phú Đô Hà Nội, trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục mạnh mẽ, đặc biệt do tác động của đại dịch COVID-19 và lũ lụt năm 2025.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Khái niệm dạy học truyền thống và dạy học trực tuyến

#### - Dạy học truyền thống

Dạy học truyền thống, còn gọi là giáo dục mặt đối mặt (face-to-face education), là hình thức học tập diễn ra trong không gian lớp học vật lý, nơi giáo viên và học sinh tương tác trực tiếp mà không phụ thuộc vào công nghệ số. Phương pháp này đã tồn tại hàng thế kỷ và vẫn là mô hình chủ đạo trong hệ thống giáo dục Việt Nam, đặc biệt ở cấp THCS, nơi học sinh cần sự hướng dẫn gần gũi để phát triển kỹ năng xã hội và nhận thức. Trong dạy học truyền thống, giáo viên thường sử dụng các công cụ và hoạt động sau:

Công cụ vật lý cơ bản: Bảng đen, phấn trắng, bảng trắng hoặc bảng tương tác đơn giản để minh họa nội dung.

Tài liệu truyền thống: Sách giáo khoa, tài liệu in ấn, bài tập viết tay, giúp học sinh tiếp cận kiến thức một cách cụ thể và dễ ghi nhớ.

Tương tác trực tiếp: Hỏi đáp tức thì, thảo luận nhóm, quan sát biểu cảm khuôn mặt và ngôn ngữ cơ thể, tổ chức hoạt động thực hành như thí nghiệm hoặc trò chơi nhóm. Những yếu tố này tạo nên môi trường học tập năng động, nơi học sinh có thể nhận phản hồi ngay lập tức từ giáo viên và bạn bè.

Theo Bandura (1977), con người học hành vi mới không chỉ qua trải nghiệm cá nhân mà chủ yếu thông qua việc quan sát, bắt chước và mô hình hóa hành vi của người khác, kết hợp với phản hồi tăng cường (reinforcement). Trong bối cảnh lớp học, học sinh

quan sát giáo viên làm mẫu (modeling), bắt chước hành vi học tập của bạn bè, và nhận phản hồi tích cực (như lời khen) hoặc tiêu cực (sửa lỗi) để củng cố kiến thức. Lý thuyết này nhấn mạnh rằng môi trường xã hội – với sự hiện diện vật lý – là yếu tố then chốt để hình thành động lực nội tại và kỹ năng xã hội [2]. Ví dụ, trong một lớp học truyền thống, học sinh có thể học cách giải toán bằng cách quan sát giáo viên viết trên bảng và thảo luận với bạn cùng bàn, giúp tăng cường sự tự tin và khả năng hợp tác – điều khó đạt được qua màn hình. Ứng dụng trong giáo dục THCS Việt Nam, dạy học truyền thống phù hợp với văn hóa «tôn sư trọng đạo», nơi sự tương tác trực tiếp giúp xây dựng mối quan hệ thầy-trò bền vững. Tuy nhiên, phương pháp này có thể bị hạn chế bởi yếu tố địa lý (học sinh phải đến trường) và chi phí (in ấn tài liệu), đặc biệt trong bối cảnh đại dịch.

#### - Dạy học trực tuyến

Dạy học trực tuyến, hay còn gọi là e-learning hoặc học tập từ xa (online learning), là hình thức giáo dục dựa trên công nghệ số, nơi học sinh và giáo viên kết nối qua mạng internet mà không cần gặp mặt trực tiếp.

Trong dạy học trực tuyến, các công cụ và hoạt động chính bao gồm:

Nền tảng kỹ thuật số: Zoom, Google Meet, Microsoft Teams để tổ chức lớp học ảo, với tính năng chia sẻ màn hình và ghi hình bài giảng.

Tài liệu số: Video ghi hình bài giảng, tài liệu PDF, bài tập tương tác trên Google Forms hoặc các nền tảng như Kahoot, giúp học sinh học theo nhịp độ cá nhân.

Tương tác ảo: Chat văn bản, micro để phát biểu, breakout rooms cho thảo luận nhóm, hoặc công cụ như poll (bình chọn) để kiểm tra sự tham gia. Những yếu tố này mang lại sự linh hoạt cao, nhưng phụ thuộc vào chất lượng kết nối internet và thiết bị.

Mô hình Chấp nhận Công nghệ (Technology Acceptance Model - TAM) của Fred Davis (1989) dựa trên hai yếu tố chính để dự đoán hành vi sử dụng công nghệ:

Perceived Usefulness (Tính hữu ích nhận thức): Người dùng tin rằng công nghệ giúp cải thiện hiệu suất công việc hoặc học tập, ví dụ: học trực tuyến tiết kiệm thời gian di chuyển và cho phép ôn bài mọi lúc.

Perceived Ease of Use (Dễ sử dụng nhận thức): Công nghệ được coi là dễ dàng sử dụng mà không cần nỗ lực lớn, dẫn đến thái độ tích cực và ý định sử dụng lâu dài.

Theo Davis, hai yếu tố này ảnh hưởng đến thái độ (attitude) và ý định hành vi (behavioral intention), cuối cùng dẫn đến việc chấp nhận thực tế. [3] Mô hình TAM đã được mở rộng trong các nghiên cứu

giáo dục, chẳng hạn như thêm yếu tố “external variables” như chất lượng internet hoặc hỗ trợ từ giáo viên. Trong bối cảnh dạy học trực tuyến, nếu học sinh nhận thấy nền tảng Zoom “hữu ích” (ví dụ: dễ tiếp cận bài giảng) và “dễ sử dụng” (giao diện thân thiện), họ sẽ có xu hướng chấp nhận phương pháp này hơn. Tuy nhiên, nếu gặp khó khăn như lag mạng hoặc thiếu kỹ năng số, sự chấp nhận sẽ giảm.

### **2.2. So sánh hiệu quả của việc dạy học truyền thống và dạy học trực tuyến của trường trung học cơ sở Phú Đô**

Tại Trường THCS Phú Đô với hơn 1.500 học sinh, việc triển khai dạy học trực tuyến từ năm học 2020–2021, đã diễn ra liên tục và bắt buộc trong nhiều tháng giãn cách xã hội. Theo Bộ Giáo dục và Đào tạo, đây là “quá trình tổ chức dạy học dựa trên công nghệ số, cho phép học sinh truy cập kiến thức mọi lúc, mọi nơi” (Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT). Các em học sinh phải làm quen với việc học qua màn hình máy tính, điện thoại, sử dụng các công cụ như Zoom, Google Classroom, Microsoft Teams. Để so sánh hiệu quả của việc dạy học truyền thống và dạy học trực tuyến của trường, nghiên cứu thực hiện khảo sát định lượng và định tính với 10 giáo viên đang giảng dạy tại trường THCS Phú Đô với mẫu chọn ngẫu nhiên từ bộ phận chuyên môn, bao gồm các môn Toán, Văn, và Anh. Khảo sát được tiến hành qua Google Forms vào tháng 9/2025, với thang đo Likert 1-5 (1: Không hiệu quả; 5: Rất hiệu quả) để đánh giá hiệu quả tổng thể của hai phương pháp. Các câu hỏi mở thu thập lý do ưa thích, liên hệ với các yếu tố từ Bandura (tương tác xã hội) và TAM (hữu ích, dễ sử dụng).

### **2.3. Kết quả khảo sát và đánh giá**

Kết quả cho thấy dạy học truyền thống được đánh giá cao hơn về hiệu quả tổng thể (trung bình 4.3/5) so với trực tuyến (3.3/5). 70% giáo viên nhấn mạnh “tương tác cao” và “phản hồi tức thì” cho truyền thống (phù hợp Bandura), trong khi trực tuyến được đánh giá cao về “linh hoạt thời gian” (30%) nhưng thấp do “khó tương tác” (30%).

Các giáo viên đưa ra lý do ưa thích dạy học truyền thống vì tính tương tác cao, có sự phản hồi tức thì và có khả năng quan sát lớp trực tiếp. 4 giáo viên nhấn mạnh lợi thế của tương tác trực tiếp với học sinh, giúp giáo viên dễ dàng khuyến khích học sinh tham gia và xây dựng bài. 3 trong 10 giáo viên đánh giá cao khả năng sửa lỗi ngay lập tức, giúp học sinh củng cố kiến thức nhanh chóng. Điều này phản ánh cơ chế “reinforcement” trong lý thuyết Bandura. Và 3 trên 10 giáo viên tập trung vào việc theo dõi biểu cảm và hành vi học sinh, giúp điều chỉnh bài giảng phù hợp, điều này nhấn mạnh hạn chế của việc giảng dạy

trực tuyến, nơi “màn hình” làm giảm khả năng quan sát chi tiết. Các giáo viên cho biết tỷ lệ tham gia của học sinh cao từ 95% trong khi học trực tuyến chỉ đạt 80%.

Về lý do ưa thích dạy học trực tuyến, các giáo viên yêu thích vì linh hoạt thời gian, giúp giáo viên tiết kiệm thời gian di chuyển và điều chỉnh lịch trình. Điều này phù hợp với “perceived usefulness” trong TAM (Davis, 1989). Ngoài ra, giáo viên đánh giá cao việc sử dụng video và bài tập trực tuyến, dễ chia sẻ và ôn tập. Đây là biểu hiện của “perceived ease of use” trong TAM, giúp giảm nỗ lực chuẩn bị tài liệu so với in ấn truyền thống. Tuy nhiên 5 trong 10 giáo viên trả lời khó tương tác học sinh, thậm chí việc không thể kiểm soát lớp học do các nguyên nhân từ phía giáo viên và cả học sinh như đường truyền, thiết bị kết nối, hoặc thiếu sự giám sát của phụ huynh. Khi trả lời phỏng vấn, các vấn đề khi dạy trực tuyến được hé lộ ra là học sinh dễ mất hứng thú hoặc treo máy nên không thể nắm bắt được khả năng tiếp thu bài của học sinh. Bên cạnh đó, việc phát triển của công nghệ AI làm cho khả năng gian lận trong bài tập hoặc kiểm tra tăng cao khiến cho giáo viên rất khó đánh giá đúng thực lực của học sinh khi học trực tuyến. Điều này có thể phản ánh sự thất vọng thực tế, nơi giáo viên nhận thấy trực tuyến thiếu tương tác – một rào cản lớn theo cả hai phương pháp là Bandura (giám quan sát xã hội) và TAM (giảm tính hữu ích nếu không dễ sử dụng). Các lý do cho trực tuyến chủ yếu tích cực ở khía cạnh công nghệ và tiện lợi 70% giáo viên đề cập, nhưng sự xuất hiện của yếu tố tiêu cực cho thấy phương pháp này chưa được chấp nhận hoàn toàn, đặc biệt ở môi trường THCS nơi tương tác là yếu tố cốt lõi.

Nghiên cứu củng cố giá trị của Lý thuyết Học tập Xã hội (Bandura, 1977) trong bối cảnh giáo dục THCS, nơi tương tác xã hội là yếu tố then chốt. Kết quả cho thấy dạy học truyền thống hiệu quả hơn nhờ hỗ trợ quan sát và phản hồi tức thì, giúp học sinh phát triển kỹ năng nhận thức và xã hội – phù hợp với lứa tuổi 11-15 tại trường THCS Phú Đô. Ngược lại, dạy học trực tuyến giảm hiệu quả do thiếu các yếu tố này, dẫn đến “khó tương tác” như 30% giáo viên đề cập. Đồng thời, trực tuyến có tính hữu ích cao ở linh hoạt với 40% lý do ưa thích nhưng dễ sử dụng thấp do rào cản kỹ thuật, giải thích tại sao chỉ 30% giáo viên đánh giá tốt phương pháp này.

Dù được đánh giá là giải pháp kịp thời để duy trì việc học, hình thức trực tuyến cũng bộc lộ nhiều hạn chế rõ rệt: kết nối internet không ổn định, thiếu thiết bị học tập (đặc biệt với học sinh có hoàn cảnh khó khăn), khó khăn trong tương tác giữa giáo viên – học

sinh – bạn bè, và giảm sút động lực học tập do thiếu môi trường lớp học truyền thống. Ngược lại, dạy học truyền thống – với không gian lớp học quen thuộc, sự hiện diện trực tiếp của giáo viên, và các hoạt động tương tác nhóm – vẫn được xem là mô hình lý tưởng trong văn hóa giáo dục Việt Nam, nơi giá trị “tôn sư trọng đạo” và học tập cộng đồng được đề cao. Chính sự đối lập rõ rệt giữa hai mô hình này đã làm nảy sinh một vấn đề cốt lõi:

#### 2.4. Khuyến nghị

Sau khi Covid-19 qua đi, giáo viên tiếp tục lên lớp dạy học trực tiếp và không sử dụng các lớp dạy online thường xuyên. Vì vậy, giáo viên cũng sẽ giảm khả năng quản lý hoặc tạo các hoạt động giảng dạy trực tuyến hiệu quả cũng như học sinh giảm khả năng tham gia vào bài giảng đó. Sự kiện bão lũ tháng 9 năm 2025 là một ví dụ điển hình khi mà nhiều giáo viên lẫn học sinh đều không được trang bị những kỹ năng tham gia lớp học online kể từ khi kết thúc đại dịch Covid 19.

Nhà trường có thể áp dụng mô hình kết hợp phân bổ thời gian dạy học truyền thống và tạo nhóm học trực tuyến với một số tiết bài tập mà học sinh có thể tham gia. Nhà trường có thể đào tạo kỹ năng kết hợp ví dụ như tổ chức hội thảo 2-3 lần/năm về sử dụng công cụ trực tuyến như breakout rooms trong Zoom, và kỹ thuật phản hồi xã hội trong lớp học. Giáo viên kết hợp cách dạy truyền thống và sử dụng tài liệu số để hỗ trợ như Kahoot cho bài tập trực tuyến. Vậy nên nếu chương trình học xây dựng các tiết học thực hành trực tuyến cũng như bổ sung kỹ năng cho giáo viên và học sinh thì sẽ tránh được tình trạng giảm chất lượng giáo dục khi giảng dạy trực tuyến.

#### 3 Kết luận

Mặc dù đúc kết từ kết quả mang tính tham khảo, nghiên cứu còn hạn chế ở điểm mẫu nhỏ với 10 giáo viên tham gia khảo sát và phỏng vấn. Do đó kết quả nghiên cứu có thể thiên lệch do kinh nghiệm cá nhân của từng giáo viên, và chưa bao gồm góc nhìn học sinh. Từ kết quả trên, nghiên cứu đúc kết rằng dạy học truyền thống vẫn hiệu quả cốt lõi tại THCS Phú Đô, nhưng kết hợp với trực tuyến sẽ tối ưu hóa trong kỷ nguyên số.

#### Tài liệu tham khảo

1. <https://moit.gov.vn/tin-tuc/phat-trien-nguon-nhan-luc/chuyen-doi-so-trong-giao-duc-dai-hoc.html>
2. Bandura, A. (1977). *Social learning theory*. Prentice-Hall.
3. Davis, F. D. (1989). Perceived usefulness, perceived ease of use, and user acceptance of information technology. *MIS Quarterly*, 13(3), 319–340. <https://doi.org/10.2307/249008>